
Bản án số: 21 /2020/KDTM-ST

Ngày: 25/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THỊNH PHỐ H NỘI

-THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Trung Úy

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Thư ký phiên toà: Ông Tô Mạnh H – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM ngày 24/4/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX –KDTM, ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 1, 6, 7 tòa nhà Connerstone 16 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc Vũ – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu Trang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974

HKTT: Thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Đều vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

3.3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998

3.4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000

HKTT: Thôn Núi Bé, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tHnh phố H Nội.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến Hnh tố tụng và tại phiên tòa;Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1.1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt là Vib) cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số CN065/HĐTD1-VIB038/13 ngày 25/12/2013 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động trung hạn SXKD đồ gỗ nội ngoại thất
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 28/12/2013;
- Lãi suất vay: 11,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cho vay của sản phẩm cho vay cá nhân kinh doanh do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với các quy định của Pháp luật, Ngân Hng NH nước Việt Nam và chính sách của VIB tại từng thời kỳ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân Hng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo Khế ước nhận nợ số CN065/KUNN1-VIB038/13 ngày 28/12/2013 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Hợp đồng tín dụng số CN063/HĐTD1-VIB038/14 ngày 05/05/2014 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động trung hạn SXKD đồ gỗ nội ngoại thất
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 06/5/2014;
- Lãi suất vay: 10,99%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cho vay của sản phẩm cho vay cá nhân

kinh doanh do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với các quy định của Pháp luật, Ngân Hng NH nước Việt Nam và chính sách của VIB tại từng thời kỳ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân Hng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo Khế ước nhận nợ số CN063/KUNN1-VIB038/14 ngày 06/05/2014 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân Hng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2020 là: **540.630.002 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 269.606.329 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 50.160.270 đồng; Nợ lãi quá hạn: 220.863.403 đồng.**

Kể từ ngày 25/6/2020 vợ chồng ông H và bà N tiếp tục chịu lãi và lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 4288/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC được Văn phòng công chứng H Đông, tHnh phố H Nội công chứng ngày 23/12/2013 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng 193 m² đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 815108, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 879650, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 1542 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) cấp ngày 14/7/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thụ

Nguyên đơn khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông H bà N không trả được nợ, nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi Hnh án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

II. Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N đã ký kết **Hợp đồng tín dụng số CN065/HĐTD1-VIB038/13 ngày 25/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số CN063/HĐTD1-VIB038/14 ngày 05/05/2014** với ngân Hng Quốc tế Việt Nam để phục vụ việc kinh doanh.

Tổng số tiền ông H, bà N vay là 400.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền thì ông H, bà N sử dụng đúng mục đích vay. Quá trình trả nợ thì ông H, bà N gặp nhiều khó khăn dẫn đến thất thoát vốn và chưa trả hết nợ cho ngân Hng. Ông H, bà N đã trả được cho ngân Hng một phần nợ gốc và lãi. Ông bà còn nợ ngân Hng số tiền **269.606.329 đồng** nợ gốc, còn tiền lãi do ngân Hng tính.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Bị đơn xác nhận để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 4288/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC được Văn phòng công chứng H Đông, tHnh phố H Nội công chứng ngày 23/12/2013 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng 193 m2 đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 815108, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 879650, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 1542 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) cấp ngày 14/7/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thụ.

Quan điểm hiện nay ông H đề nghị phía ngân Hng và cơ quan liên quan cho phép trả toàn bộ tiền nợ gốc và đề nghị miễn giảm lãi để ông bà có điều kiện trả nợ dần.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn Hoàn trình bày: Ông và ông H là người quen cùng địa phương. Năm 2013 ông H có đặt vấn đề mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên gia đình ông làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân Hng VIB. Ông và gia đình có ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 4288/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC được Văn phòng công chứng H Đông, tHnh phố H Nội công chứng ngày 23/12/2013 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Nay quan điểm ông Hoàn yêu cầu ông H, bà N có trách nhiệm trả hết nợ để ngân Hng trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho gia đình ông quản lý sử dụng.

Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến Hnh tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến Hnh đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2020 là: 540.630.002 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 269.606.329 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 50.160.270 đồng; Nợ lãi quá hạn: 220.863.403 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi Hnh.

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N cư trú tại: Thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, H Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

1.2. Tại phiên tòa ngày 04/6/2020 bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng số CN065/HĐTD1-VIB038/13 ngày 25/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số CN063/HĐTD1-VIB038/14 ngày 05/05/2014 cùng các khế ước nhận nợ**. Số tiền Ngân Hng cho vợ chồng ông H, bà N vay 400.000.000 đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của

pháp luật. Xác định các Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam đã giải ngân cho ông H bà N vay đủ số tiền 400.000.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ thông qua khế ước. Như vậy Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông H và bà N mới trả được: Nợ gốc: 130.393.671đ; lãi trong hạn: 57.918.176đ; lãi quá hạn: 2.140.464đ. Đến nay ông H, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc ông H, bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 24/6/2020 là: 540.630.002 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 269.606.329 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 50.160.270 đồng; Nợ lãi quá hạn: 220.863.403 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020, ông H, bà N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp số công chứng 4288/2013, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐTC được Văn phòng công chứng H Đông, tHnh phố H Nội công chứng ngày 23/12/2013, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ.

Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông H, bà N là: Quyền sử dụng 193 m2 đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 815108, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 879650, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận

QSDĐ: 1542 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) cấp ngày 14/7/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thụ.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là: Quyền sử dụng 193 m² đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 815108, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 879650, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 1542 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh H Tây (nay là TP H Nội) cấp ngày 14/7/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thụ.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều: 290, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 24/6/2020 là: 540.630.002 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 269.606.329 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 50.160.270 đồng; Nợ lãi quá hạn: 220.863.403 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông H và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng 193 m² đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ thôn Đồi Miếu, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 815108, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 879650, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 1542 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) cấp ngày 14/7/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thụ.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông H và bà N vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm là 25.625.200 đồng.

4.2. Trả lại Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam 7.975.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004683 ngày 24/4/2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự, thì người được thi Hình án, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hình án dân sự, thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn

